

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu
xây dựng Khu công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 29 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 7 năm 2020;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị
và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng
liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây
dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh thông qua đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu
công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II; Báo cáo thẩm tra số 68/BC-HĐND ngày
04 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu
công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới:

- Phía Đông: Giáp đất sản xuất của các hộ dân.
- Phía Tây: Giáp Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I.
- Phía Nam: Giáp đất sản xuất của các hộ dân và đất đồi núi của thôn Bản Chàng xã Thanh Thịnh.
- Phía Bắc: Giáp Cụm công nghiệp Thanh Thịnh.
- Phần lõi có là đất nghĩa địa hiện có gồm các khu mộ của dân thuộc các thôn Bản Chàng và thôn Nà Chiêm xã Thanh Thịnh, diện tích là 2,32 ha.

b) Quy mô lập quy hoạch: Quy mô nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch là 82,62 ha, trong đó:

- Quy hoạch khu công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II là 80,3 ha.
- Khu nghĩa địa hiện có gồm các khu mộ của dân thuộc các thôn Bản Chàng và thôn Nà Chiêm xã Thanh Thịnh, diện tích là 2,32 ha.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Điều chỉnh ranh giới lập quy hoạch Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II tránh chồng lấn với dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Chợ Mới - Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

b) Cập nhật, điều chỉnh lại Quy hoạch Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II cho phù hợp với nội dung Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới giai đoạn đến 2030, định hướng đến năm 2050 làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp để thu hút đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp của địa phương.

4. Tính chất khu vực lập quy hoạch

Là khu công nghiệp tập trung hỗn hợp đa ngành, đa lĩnh vực, có quy mô sản xuất vừa và nhỏ, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thuận tiện kết nối với các khu vực xung quanh.

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

a) Điều chỉnh ranh giới khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II.

b) Điều chỉnh lại tổng thể quy hoạch phân khu theo ranh giới mới đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình, kết nối hạ tầng kỹ thuật của khu vực với khu công nghiệp và tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

c) Di chuyển tuyến đường dây 110kV lộ DZ173 E6.1 Bắc Kạn từ cột số 137 đến cột số 139, hướng tuyến mới đi vào dải phân cách của đường D1 theo phương án quy hoạch.

d) Tính toán lại toàn bộ các chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo quy chuẩn hiện hành, phù hợp với địa hình của khu vực.

6. Các chỉ tiêu chính của đồ án

a) Chỉ tiêu lao động: Khoảng 5.155 lao động

b) Chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Chỉ tiêu theo quy chuẩn
1	Đất giao thông	$\geq 10\%$
2	Đất cây xanh	$\geq 10\%$
3	Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	$\geq 1\%$

7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % theo quy định
1	Đất hành chính và dịch vụ khu công nghiệp	1,129	1,41	
2	Đất công nghiệp	55,392	68,98	
3	Đất cây xanh, mặt nước	13,326	16,60	$\geq 10\%$
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,016	1,27	$\geq 1\%$
5	Đất giao thông	9,437	11,75	$\geq 10\%$
5.1	Đất giao thông	8,391	10,45	
5.2	Đất bãi đỗ xe	1,047	1,30	
	Tổng cộng	80,3	100	

8. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Không gian khu công trình dịch vụ khu công nghiệp: Khu đất bố trí công trình hành chính dịch vụ khu công nghiệp có diện tích 1,129 ha, chiếm 1,41%, chiều cao tầng tối đa 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%.

b) Không gian khu sản xuất (các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng...): Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có công nghệ cao. Tổng diện tích đất công nghiệp 55,392 ha, chiếm 68,98%. Chiều cao tầng tối đa 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

c) Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường: Khu vực quy hoạch cho công trình hạ tầng kỹ thuật có diện tích là 1,016 ha, chiếm 1,27% tổng diện tích khu công nghiệp, được bố trí xây dựng trạm bơm cấp nước kết hợp cứu hỏa và khu đất dành cho đội cứu hỏa; trạm xử lý nước thải. Chiều cao tầng tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%.

d) Không gian cây xanh xung quanh khu công nghiệp: Các khu vực cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan nằm đan xen trong khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 13,326 ha chiếm 16,60%, chủ yếu là đất cây xanh cách ly theo quy định được bố trí quanh khu công nghiệp và phần đất hạ tầng kỹ thuật có chiều rộng tối thiểu 10 m theo quy định.

9. Quy hoạch hệ thống giao thông chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

a) Hệ thống đường giao thông

- Mặt cắt 1 - 1 (*tuyến D01*) rộng 39,0 m; trong đó lòng đường 15,0 m; vỉa hè hai bên $8,0 \text{ m} \times 2 = 16,0 \text{ m}$; dải phân cách 8,0 m.

- Mặt cắt 2 - 2 (*tuyến D02*) rộng 27,0 m; trong đó lòng đường 15,0 m; vỉa hè hai bên $6,0 \text{ m} \times 2 = 12,0 \text{ m}$.

- Mặt cắt 3 - 3 (*tuyến N03*) rộng 23,25 m; trong đó lòng đường 11,25 m; vỉa hè hai bên $6,0 \text{ m} \times 2 = 12,0 \text{ m}$.

- Mặt cắt 4 - 4 (*tuyến N01*) rộng 19,50 m; trong đó lòng đường 7,5 m; vỉa hè hai bên $6,0 \text{ m} \times 2 = 12,0 \text{ m}$.

- Mặt cắt 5 - 5 (*gồm tuyến N02, D03*) rộng 13,50 m; trong đó lòng đường 7,5 m; vỉa hè hai bên $3,0 \text{ m} \times 2 = 6 \text{ m}$.

Tổng diện tích đất đường giao thông là 8,391 ha, chiếm 10,45%.

b) Bãi đỗ xe: Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của khu vực quy hoạch, diện tích 1,047 ha, chiếm 1,30%, mật độ xây dựng 10%, tầng cao 01 tầng.

- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ: 6,0 m đối với tất cả các tuyến đường trong khu công nghiệp.

10. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền: Cốt nền không chế thấp nhất +98,00 m tại phía Tây, tiếp giáp với khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I; cốt nền không chế cao nhất +148,00 m tại phía Đông khu quy hoạch; tại điểm đầu nối với đường D1 + D2 khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I là +88,00 m.

b) Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng, toàn khu quy hoạch được chia làm 03 lưu vực thoát nước chính, nước mưa được thu gom và thoát nước ra suối Mu Tò; phần còn lại thu gom và thoát về hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I trên tuyến N1.

- Cấu tạo hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp là hệ thống rãnh bê tông cốt thép (*đá xây*) có khẩu độ từ B600 - B1600. Cống được đặt trên hè để thu nước mặt đường và công trình.

11. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn

a) Thoát nước thải

- Tỷ lệ nước thải cần xử lý đạt 80% lượng nước cấp.
- Tổng công suất trạm xử lý là 1.500 m³/ngày đêm.
- Kiểu hệ thống thoát nước: Là mạng lưới thoát nước riêng.
- Hướng thoát chính: Nước thải khu công nghiệp được tập trung về trạm xử lý nước thải tại các ô đất hạ tầng kỹ thuật, công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm. Hệ thống ống thu gom nước thải có đường kính D300 - 400 bằng ống HDPE bố trí trên hè đường. Nước thải sau khi được làm sạch đạt tiêu chuẩn cột A và thoát ra suối Mu Tò phía Bắc khu công nghiệp bằng tuyến ống D500.

b) Thu gom xử lý chất thải rắn

- Khối lượng chất thải rắn của dự án: 28,0 tấn/ngày đêm.
- Thu gom, xử lý chất thải rắn gồm 02 loại sau:
 - + Loại 1: Chất thải rắn nguy hại từ các nhà máy được quản lý theo quy định, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.
 - + Loại 2: Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập kết trong các nhà máy sau đó sẽ được vận chuyển đến các khu vực xử lý tập trung theo quy định.

12. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Tổng lưu lượng cấp nước lớn nhất là khoảng 2.634 m³/ngày đêm; khi chữa cháy là 3.714 m³/ngày đêm.

b) Nguồn cấp nước dự kiến: Sử dụng trạm cấp nước từ khu công nghiệp Thanh Bình I và các nguồn nước hợp pháp khác.

c) Mạng lưới ống được chia làm 03 cấp: Truyền tải, phân phối và dịch vụ, vật liệu ống cấp nước là ống HDPE. Trong khu quy hoạch dự kiến xây dựng 01 trạm cấp nước (*trạm bơm tăng áp*) tại khu đất hạ tầng kỹ thuật để cấp nước cho Khu công nghiệp. Trạm có nhiệm vụ cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và kết hợp phòng cháy chữa cháy.

13. Quy hoạch hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng

a) Tổng nhu cầu sử dụng điện là: 16,93 MVA.

b) Nguồn điện: Trước mắt, nguồn điện cấp sẽ được lấy từ đường dây 35 kV hiện đang cấp điện cho khu công nghiệp Thanh Bình I thuộc lộ 373 - E26.1 và lộ 374 - E26.1; dài hạn nguồn điện được cấp từ trạm 110 kV Thanh Bình dự kiến được đầu tư xây dựng, dự kiến đưa vào sử dụng cuối năm 2025, công suất S = 25 MVA.

c) Lưới điện:

- Lưới điện cao thế 110 kV: Di chuyển, hoàn trả tuyến đường dây 110 KV thuộc lộ DZ 173 E6.1 chạy qua khu công nghiệp nằm trên giải phân cách tuyến đường D1 cấp vào trạm 110 KV Thanh Bình I.

- Lưới điện trung thế 22 kV: Các tuyến điện trung thế sử dụng đường dây trên không nằm trên vỉa hè có tim tuyến cách mép trong hè khoảng 1,5 m; khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 60 - 70 m.

- Lưới điện chiếu sáng: Hệ thống lưới điện chiếu sáng được hạ ngầm. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao 10 - 12 m.

14. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

a) Tổng nhu cầu thuê bao thông tin liên lạc của toàn bộ dự án khoảng 721 thuê bao.

b) Hệ thống hào cáp có đặt sẵn ống HDPE dùng để đi các đường cáp thông tin liên lạc tới các lô đất công nghiệp - hành chính dịch vụ. Hào cáp được đặt trong phần vỉa hè, ống nhựa chịu lực HDPE D110/90 luôn cáp thông tin.

c) Nâng cao tốc độ truy nhập Internet băng rộng qua mạng nội hạt không dưới 2 Mbps, đối với truy nhập Internet qua mạng truyền hình cáp không dưới 6 Mb/s.

15. Các giải pháp bảo vệ môi trường

Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển theo mô hình kiến trúc xanh, thân thiện với môi trường; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, nguồn nước đảm bảo các quy định về môi trường; khuyến khích xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường, đồng thời xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan; tuyên truyền các tổ chức và cá nhân tích cực phân loại rác thải từ nguồn, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

16. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện

a) Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Đầu tư xây dựng san nền, đường giao thông đảm bảo kết nối đến các tuyến đường khu vực xung quanh theo quy hoạch phân khu.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án (*trạm xử lý nước sạch, trạm xử lý nước thải, hồ sự cố và hồ chỉ thị sinh học, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cây xanh vườn hoa...*).

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nhà xưởng, nhà lưu trú cho chuyên gia,...

b) Khái toán tổng vốn thực hiện quy hoạch: 649,99 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn: Vốn nhà đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 29 (*kỳ họp chuyên đề*) thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2025./. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) ủy, HĐND, UBND,
UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh